TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống.

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thảo T, sinh năm 1998 (có mặt).
Nơi cư trú: Ấp 7, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn B, sinh năm 1989 (có mặt).
Nơi cư trú: Ấp 10, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ngân hàng V (vắng mặt).
Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 Đ, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-5-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là Lê Thảo T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thảo T và anh Trương Văn B tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 08-3-2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường xuyên vắng nhà, không quan tâm chăm sóc cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhưng không thể đoàn tụ. Vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2019 âl cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Đình K (nam), sinh 23-01-2018, hiện nay anh B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Năm 2018, vợ chồng có vay vốn tại Ngân hàng V số tiền 25.000.000 đồng, để cải tạo đất nuôi trồng thủy sản. Đến nay đã thanh toán được 03 kỳ, nay chị T yêu cầu anh B có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ trên.

Tại văn bản lấy lời khai ngày 05-7-2019 và tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Văn B trình bày: Anh thống nhất với chị T về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm bên ngoài, chị T ở nhà không chăm lo cho gia đình, công việc nhà và cơm nước hàng ngày nên xảy ra cự cãi nhau. Nay anh B đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh B yêu cầu xem xét điều kiện nuôi con, trường hợp chị T không đủ điều kiện thì anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng V số tiền vốn 25.000.000 đồng. Anh B cho rằng chị T vay thì có nghĩa vụ thanh toán. Trường hợp chị T đồng ý giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh đồng ý trả toàn bộ khoản vay trên cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, chị T và anh B thống nhất xác định quá trình chung sống không có tạo lập tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho Ngân hàng V đúng theo quy định pháp luật nhưng Ngân hàng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thảo T ly hôn với anh Trương Văn B. Giao con chung là Đình K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với khoản nợ, do Ngân hàng V không có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập nên đề nghị Tòa án không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thảo T và anh Trương Văn B tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 08-3-2017 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Tại phiên tòa, chị T và anh B thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là trên tinh thần tự nguyện, không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu của chị T về việc nuôi dưỡng cháu Đình K, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu K hiện nay còn rất nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ để đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất cũng như khả nhận nhận thức. Hiện nay chị T đã có chỗ ở và có nghề nghiệp tạo thu nhập ổn định bình quân 6.000.000 đồng/tháng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt hàng ngày của chị và nuôi dưỡng con. Chị T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đình K. Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh B xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Đối với khoản vay vốn tại Ngân hàng V số tiền 25.000.000 đồng: Tại phiên tòa, chị T và anh B đều thống nhất xác định khi chị T ký hợp đồng vay vốn, phía bên vay không có giữ hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ngân hàng nhưng không có đơn yêu cầu khởi kiện độc lập. Vì vậy, Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án này, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng V có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Chị Lê Thảo T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thảo T ly hôn với anh Trương Văn B.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Trương Đình K (nam), sinh 23-01-2018 cho chị Lê Thảo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thảo T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 06 tháng 5 năm 2019, chị T đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004358 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thảo T và anh Trương Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út